

Số: 214/QĐ-NHNTTT

Nam Định, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân năm 2021
GIÁM ĐỐC NHÀ HÁT NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định trên cơ sở hợp nhất Nhà hát Chèo, Đoàn Nghệ thuật Cải lương, Đoàn Kịch nói thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-SVHTTDL ngày 30/12/2020 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 cho Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định;

Xét đề nghị của Phòng Hành chính, Kế hoạch và Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính KHTH và các phòng ban liên quan thuộc và trực thuộc Nhà hát thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở VH TTDL; Phòng KHTC
- Lưu :VT, ...



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Diệu Hằng

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định

Chương: 425

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 214/QĐ-NHNTTT ngày 28/9/2022 của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10.129,944	10.129,944	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.129,944	10.129,944	
1	Chi quản lý hành chính			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6	Chi hoạt động kinh tế		
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	10.129,944	10.129,944
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.369	7.369
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.760,944	2.760,944
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
II	Nguồn vốn viện trợ		
1	Chi quản lý hành chính		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi bảo đảm xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		
1	Chi quản lý hành chính		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi bảo đảm xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		

Nam Định, Ngày 28 tháng 9 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Diệu Hằng